

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12-7-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ta.
2. Bà Lê Kim Tuyên.

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Y Phụng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Ngô Hữu Ý – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2018, về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Mai N, sinh năm 1994; Địa chỉ cư trú: ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đ. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn H, sinh năm 1993; Địa chỉ cư trú: ấp 1, xã T, huyện HN, tỉnh Đ. Có mặt.

3. Người làm chứng:

3.1 Bà Huỳnh Thị N, sinh năm 1961; Địa chỉ cư trú: ấp 1, xã T, huyện HN, tỉnh Đ. Có mặt.

3.2 Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1967; Địa chỉ cư trú: khóm A, phường L, thị xã HN, tỉnh Đ. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/4/2018, trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Mai N, trình bày: Chị và anh H cưới nhau vào

ngày 19/01/2014 âm lịch, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện HN, tỉnh Đ. Hôn nhân do mai mối, chị cũng đồng ý kết hôn cùng anh H. Sau khi cưới vợ chồng sống cùng gia đình anh H. Cuộc sống vợ chồng lúc đầu rất hạnh phúc đến ngày 19/5/2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc nữa. Nguyên nhân là khi chị về nhà cha mẹ ruột ở huyện H thăm bà nội bệnh thì vợ chồng chị có cự cãi, gia đình hai bên cũng có lời qua tiếng lại nên chị chồng tên L gọi điện thoại nói chị đừng về nhà nữa. Ngoài ra, vợ chồng chị không còn mâu thuẫn nào khác. Chị và anh H không còn sống chung từ ngày 19/5/2017 cho đến nay, anh H có đến gặp chị nhiều lần nhưng không có hàn gắn tình cảm vợ chồng mà chỉ đòi lại vàng và điện thoại, cha mẹ hai bên cũng không gặp nhau để hòa giải hay khuyên bảo để vợ chồng chị hàn gắn tình cảm. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn H.

Bị đơn anh Nguyễn H, trình bày: Anh và chị N cưới nhau vào tháng 4/2014, không nhớ ngày, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Hôn nhân do mai mối, anh cũng đồng ý cưới chị N. Sau khi cưới anh và chị N sống cùng gia đình anh, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến khi sinh được hai con chung thì không còn hạnh phúc nữa. Nguyên nhân, khoảng tháng 5/2017 chị N về nhà cha mẹ ruột tại huyện H để thăm bà nội bệnh và có đem con chung M đi cùng. Sau đó, anh đến nhà cha mẹ vợ rước chị N nhiều lần để về nhà vợ chồng chung sống với nhau nhưng chị N không chịu về do gia đình hai bên cũng có lời qua tiếng lại. Anh nhớ lần cuối cùng anh đến rước chị N thì chị N kêu anh về làm đơn ly hôn, cưới vợ khác, chị N sẽ ký tên. Ngoài ra, anh và chị N không còn mâu thuẫn nào khác. Anh và chị N không còn sống chung từ tháng 5/2017 cho đến nay, vợ chồng có gặp nhau nhưng không hàn gắn được tình cảm. Nay chị N yêu cầu ly hôn anh thống nhất ly hôn.

2. Về nuôi con chung:

Nguyên đơn, chị Mai N, trình bày: Chị và anh H chung sống với nhau có hai con chung, đều là con gái là con chung Nguyễn Thị C, sinh ngày 24/9/2015 hiện đang sống cùng anh H, từ khi chị và anh H không còn sống cho đến nay. Còn con chung Nguyễn Thị M, sinh ngày 20/3/2017 hiện đang sống cùng chị từ khi chị về nhà cha mẹ ruột ở cho đến nay. Khi chị về nhà cha mẹ ruột thăm bà bệnh chị không đem con chung C đi cùng do con chung M lúc đó còn nhỏ nên để con chung C lại cho anh H chăm sóc. Đồng thời, cha chồng chị không cho chị đem con chung C theo. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung C và M, chị tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, chị có khả năng nuôi dưỡng hai con chung, vì chị may đồ gia công tại nhà mỗi tháng thu nhập khoảng 3.000.000đ – 4.000.000đ, cha mẹ ruột có cho chị 05 công đất ruộng, không có giấy tờ, chỉ nói miệng, cha mẹ chị làm ruộng sau khi thu hoạch xong thì trừ chi phí, tiền lời thì cho chị để chị nuôi con. Ngoài ra, chị còn có khoảng 07 công đất ruộng của dựng rể là ông Nguyễn Phú Q. Việc cha mẹ cho đất và có đất thì chị đang bắt đầu làm, chưa có thu nhập. Anh H ở nhà làm cho cha mẹ chồng khoảng 10 công đất ruộng, tiền cha mẹ chồng lấy hết, còn chị tư L ở Đài Loan 01 tháng gửi về cho anh H khoảng 400.000đ – 500.000đ để tiêu xài. Từ khi chị để con chung C lại cho anh H chăm sóc thì anh H

chăm sóc con chung C tốt, mẹ chồng cũng phụ giúp anh H chăm sóc cháu nội, gia đình anh H có đủ khả năng nuôi dưỡng con chung C. Mục đích của chị yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung là chị muốn cho hai con chung C và M được ở gần nhau, có chị có em.

Bị đơn anh Nguyễn H, trình bày: Anh thống nhất những gì chị N trình bày về hai con chung. Anh chỉ thống nhất giao con chung M cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng còn con chung C anh không đồng ý giao cho chị N nuôi dưỡng. Anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung C, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con. Từ khi chị N bỏ về nhà cha mẹ ruột thì con chung C ở cùng anh, anh chăm sóc con tốt còn chị N không gọi điện hay về thăm con. Anh phụ giúp gia đình làm 15 công đất ruộng, chị ruột L mỗi năm cho anh từ 70.000.000đ đến 80.000.000đ, chị L mỗi tháng đều gửi tiền về là cho anh, không phải cho cha mẹ anh, chị anh gửi tiền cho anh từ khi anh chưa cưới vợ cho đến nay, trừ chi phí sinh hoạt cá nhân thì mỗi tháng anh còn để dành khoảng 2.000.000đ – 3.000.000đ, còn chị N làm thợ may mỗi tháng cũng được 2.000.000đ – 3.000.000đ.

3. Về tài sản chung: Chị Mai N và anh Nguyễn H thống nhất trình bày vợ chồng chung sống có 07 chỉ vàng cưới, vàng 24kra, hiện anh H đang quản lý, thống nhất giá vàng 3.500.000đ/chỉ. Chị N yêu cầu anh H giao lại cho chị 3 chỉ 5 phân vàng 24kra. Khi Tòa án hòa giải anh H không chấp nhận chia đôi 07 chỉ vàng 24kra, khi nào chị N thống nhất giao con chung C cho anh tiếp tục nuôi dưỡng thì anh đồng ý chia cho chị N 3 chỉ 5 phân vàng 24kra nhưng tại phiên tòa sơ thẩm anh H thống nhất giao lại cho chị N 3 chỉ 5 phân vàng 24kra còn anh được sở hữu 3 chỉ 5 phân vàng 24kra.

4. Về nợ chung: Chị Mai N và anh Nguyễn H thống nhất trình bày vợ chồng chung sống không thiếu nợ ai cũng không ai nợ vợ chồng nên nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm người làm chứng:

Bà Huỳnh Thị N, trình bày: Bà là mẹ ruột của anh Nguyễn H. Việc vợ chồng anh H thỏa thuận ly hôn thì bà không có ý kiến, để con bà tự quyết định. Nhưng về con chung bà có ý kiến giao cháu nội Nguyễn Thị C cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, mỗi bên nuôi dưỡng một đứa con, không ai cấp dưỡng bên nào. Vì hơn 01 năm nay, từ khi chị N bỏ về nhà cha mẹ ruột ở không có đến thăm con chung C, cũng không gọi điện hỏi thăm con, không biết lý do vì sao chị N bỏ về nhà cha mẹ ruột không đem con chung C theo, lúc đó chị N về nhà thăm bà bệnh nên ở luôn nhà cha mẹ ruột, không về. Có lần con gái bà đi làm ở Đài Loan về nhà nên gia đình bà có tổ chức ăn mừng thì chị N và gia đình chị N nghĩ anh H cưới vợ khác nên báo Công an xã và người thân chị N đến nhà bà, lúc đó chị N có bước lên nhà nhưng bà không cho. Lúc chị N sống chung nhà với bà thì mẹ con không có xích mích gì, không mâu thuẫn, cháu nội C sống cùng gia đình bà và anh H được chăm sóc rất tốt, lúc đầu chị N bỏ đi thì cháu nội C khóc, đòi mẹ nhưng khoảng 01 tháng sau thì cháu quen không đòi mẹ nữa, bà có nói chuyện với dì hai chị N là bà Nguyễn Thị P thì dì hai chị N máng chửi bà nên bà đi về nhà, bà không có gặp cha mẹ chị N để bàn bạc hàn gắn tình cảm cho vợ chồng chị N. Anh H ở nhà làm được

15 công đất ruộng, lúc rảnh thì đi làm thuê. Khi anh H đi làm thì bà ở nhà cho cháu C ăn uống, tắm rửa, tiền sữa của cháu C thì chị ruột anh H cho tiền mua, anh H làm ra tiền thì đưa cho bà giữ để lo cho gia đình. Đồng thời, hàng tháng con bà cho tiền 02-03 lần, mỗi lần cho từ mười mấy đến hai mươi mấy triệu đồng để bà lo cho gia đình. Chỉ có cháu nội C sống chung với vợ chồng bà và anh H, bà chỉ giữ và chăm sóc cháu C không có chăm sóc thêm đứa cháu nào khác. Anh H và chị N còn tài sản chung là 07 chỉ vàng 24k ra hiện anh H đang quản lý, anh H thống nhất chia 3 chỉ 5 phân vàng cho chị N để nuôi con, còn anh H giữ 3 chỉ 5 phân. Vợ chồng anh H không có thiếu nợ ai. Ngoài ra, bà không muốn trình bày gì thêm.

Bà Nguyễn Thị P, trình bày: Bà là dì ruột của chị N. Chị N do bà và mẹ nuôi của cha anh H đã mai mối cho anh H và chị N kết hôn với nhau. Bà nghĩ, cuộc sống vợ chồng chị N bình thường, có lần bà nội chị N bệnh nặng nên cha chồng và anh H đưa chị N về nhà thăm bà. Ngoài ra, gia đình hai bên có lời qua, tiếng lại. Sau đó, anh H có vào nhà cha mẹ ruột chị N để đòi lại vàng, điện thoại. Bà có khuyên gia đình anh H vào rước chị N về và mẹ chồng chị N có kêu bà vô nhà cha mẹ chị N khuyên cho chị N về nhà chung sống với anh H nhưng bà nói bà là dì không có quyền, muốn gì thì cha mẹ anh H vào nói chuyện với cha mẹ chị N, nếu đồng ý đi thì bà đi cùng nhưng cha mẹ anh H không chịu còn nói gia đình không có làm sai, không chịu đi rước chị N, nói chị N tự đi thì tự về. Khi chị N về nhà cha mẹ ruột ở thì có đem con chung M theo còn con chung C để ở nhà cho anh H chăm sóc từ hơn 01 năm nay, chị N không có về nhà cha mẹ chồng để thăm con, có lần chị N nhờ người cậu đến nhà anh H lấy sổ chích ngừa của cháu M nhưng cha chồng chị N nói không đưa, còn nói chết đâu thì chết, chị N không dám về thăm con vì sợ bị đánh, vì có lần nghe tin anh H cưới vợ khác nên chị N có về nhưng bị cha chồng rượt đánh. Gia đình anh H thương và chăm sóc cháu C tốt, bà có khuyên chị N mỗi người nuôi dưỡng một đứa con nhưng chị N không chịu. Chị N làm thợ may mỗi tháng thu nhập khoảng 4.000.000đ – 5.000.000đ, chị N có khả năng nuôi dưỡng hai con chung, chị N được gia đình cho 05 công đất ruộng nhưng chưa sang tên. Khi chị N còn sống chung nhà với anh H thì chỉ làm nội trợ và chăm sóc con. Về tài sản chung thì bà nghe nói chị N, anh H còn 06-07 chỉ vàng cưới, hai bên thỏa thuận chia đôi. Vợ chồng chị N không có thiếu nợ ai. Ngoài ra, không trình bày gì thêm.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Đương sự, người làm chứng chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Mai N và anh Nguyễn H. Về con chung: Đối với con chung Nguyễn Thị M, sinh ngày 20/3/2017 đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa chị N và anh H, chị N được tiếp tục nuôi dưỡng con chung M, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu. Đối với con chung Nguyễn Thị C, sinh ngày 24/9/2015 đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của chị N, giao con chung C cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con do

anh H không yêu cầu. Về tài sản chung đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa chị N, anh H, anh Nguyễn H giao lại cho chị N 3 chỉ 5 phân vàng 24kra, anh H được sở hữu 3 chỉ 5 phân vàng 24kra. Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Mai N có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn giữa chị và anh Nguyễn H và anh H hiện cư trú tại ấp 1, xã Thường Phước 2, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị Mai N và anh Nguyễn H được pháp luật công nhận, vì có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện HN, tỉnh Đ được quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống, chị N, anh H đều thừa nhận vợ chồng chung sống có xảy ra mâu thuẫn và đã không còn sống chung từ ngày 19/5/2017 cho đến nay, chị N và anh H đã gặp nhau nhiều lần nhưng không hàn gắn tình cảm được. Tòa án đã hòa giải cho anh chị đoàn tụ nhưng không thành. Điều này, chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị Mai N yêu cầu được ly hôn và anh Nguyễn H cũng thống nhất ly hôn. Việc thỏa thuận tình ly hôn giữa chị N và anh H là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về nuôi con chung:

Đối với con chung Nguyễn Thị M, sinh ngày 20/3/2017 trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm chị N, anh H đã thỏa thuận, thống nhất với nhau. Chị Mai N được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Xét, việc thỏa thuận giữa chị N và anh H là tự nguyện không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với con chung Nguyễn Thị C, sinh ngày 24/9/2015. Chị N và anh H đều yêu cầu được nuôi dưỡng. Xét, yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của chị N là chưa có căn cứ để chấp nhận. Tuy chị N và anh H điều đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung C nhưng chị N hàng ngày phải vừa may đồ gia công tại nhà vừa phải chăm sóc con chung M, trong khi cháu M hiện hơn 16 tháng tuổi nếu con chung C cũng được chị N nuôi dưỡng thì ngoài việc tăng thêm chi phí nuôi dưỡng hai con chung thì thời gian dạy dỗ, giáo dục hai con, điều kiện cho con vui chơi, giải trí cũng như tình cảm dành cho hai con chung sẽ không được đảm bảo về quyền lợi mọi mặt. Ngược lại, khi chị N để cháu C lại cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng từ ngày 19/5/2017 thì lúc đó cháu C được 19 tháng 25 ngày tuổi đến nay cháu đã

được 33 tháng 18 ngày tuổi và chị N cũng thừa nhận anh H vẫn chăm sóc, nuôi dưỡng con chung C rất tốt và mục đích chị N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung C là mong muốn hai con chung M và C được ở gần nhau, mà không phải vì lý do anh H không đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung C. Tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi,…” nhưng Hội đồng xét xử nhận thấy, tuy con chung C hiện được 33 tháng 18 ngày tuổi nhưng việc giao con chung C cho ai nuôi dưỡng cần phải xem xét quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên như điều kiện ăn, ở, sinh hoạt, học tập, thời gian chăm sóc, dạy dỗ, giáo dục con, tình cảm dành cho con, việc làm, thu nhập hàng tháng.... Đồng thời, hiện tại con chung C đang sống cùng anh H đã ổn định từ khi chị N và anh H không còn sống chung từ ngày 19/5/2017 đến nay đã hơn 01 năm và bà Huỳnh Thị N là mẹ ruột sống chung nhà cùng anh H có điều kiện sẵn sàng hỗ trợ giúp đỡ anh H chăm sóc cháu C. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng con chung C của chị N. Nghĩ nên, giao con chung C cho anh H được tiếp tục trực tiếp, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là đảm bảo tốt về quyền lợi mọi mặt và phát triển bình thường của cháu C phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Mai Nc và anh Nguyễn H tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét, đây là sự tự nguyện của chị N, anh H và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về quyền thăm nom con chung: Chị Mai N và anh Nguyễn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Mai N và anh Nguyễn H thỏa thuận, thống nhất. Anh Nguyễn H giao lại cho chị N được sở hữu 3 (ba) chỉ 5 (năm) phân vàng 24kra, anh H được sở hữu 3 (ba) chỉ 5 (năm) phân vàng 24kra hiện anh đang quản lý. Xét, việc thỏa thuận chia tài sản chung giữa chị N và anh H là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Về nợ chung: Chị Mai N và anh Nguyễn H thống nhất trình bày nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[3] Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn chị Mai N chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn, 612.500đ (3,5 chỉ vàng x 3.500.000đ giá vàng hai bên đã thống nhất x 5% = 612.500đ) án phí tài sản được chia. Tổng cộng: 912.500đ được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tổng cộng 600.000đ theo hai biên lai thu số 14699 ngày 27/4/2018 và số 0003840 ngày 29/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự. Chị N còn phải nộp tiếp 312.500đ. Bị đơn anh Nguyễn H không phải chịu tiền án phí ly hôn, chịu 612.500đ án phí tài sản được chia là phù hợp với quy định tại Điều 144, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 55, khoản 1 Điều 59, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa chị Mai N và anh Nguyễn H.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Mai N và anh Nguyễn H. Chị Mai N được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Thị M, sinh ngày 20/3/2017.

2.2 Không chấp nhận yêu cầu của chị Mai N đối với yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị C, sinh ngày 24/9/2015.

2.3 Giao con chung Nguyễn Thị C, sinh ngày 24/9/2015 cho anh Nguyễn H được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.4 Chị Mai N và anh Nguyễn H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N, anh H tự nguyện không yêu cầu. Chị N và anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Mai N và anh Nguyễn H.

3.1 Anh Nguyễn H giao lại cho chị Mai N được sở hữu 03 (ba) chỉ 05 (Năm) phân vàng 24kra.

3.2 Anh Nguyễn H được sở hữu 03 (ba) chỉ 05 (Năm) phân vàng 24kra hiện anh đang quản lý.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

5.1 Chị Mai N chịu 912.500đ được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 600.000đ theo hai biên lai thu số 14699 ngày 27/4/2018 và số 0003840 ngày 29/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự. Chị N còn phải nộp tiếp 312.500đ (Ba trăm mười hai nghìn năm trăm đồng).

5.2 Anh Nguyễn H chịu 612.500đ (Sáu trăm mười hai nghìn năm trăm đồng)

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

7. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- UBND xã T.
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Dung